

LỄ HỘI - BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

ĐOÀN THANH LIÊM^(*)

Tóm tắt: Trong tiến trình vận động và phát triển, các thành tố xã hội luôn có sự giao thoa, chuyển hóa cho nhau. Có những thành tố văn hóa bản địa có sức sống vững bền, có những thành tố mới đi, cũng có những thành tố cộng sinh và tiếp biến trong các nền văn hóa khi hội nhập. Dù thế nào chăng nữa, bản sắc văn hóa dân tộc cần được gìn giữ và phát huy, bởi mất bản sắc văn hóa đồng nghĩa với việc mất chủ quyền tinh thần và mất nước. Viết về văn hóa dân tộc qua các trang tiểu thuyết, các nhà văn bày tỏ niềm trăn trở về một số biểu hiện văn hóa bị đánh tráo giá trị trong thời đại mới, đồng thời muốn thông qua đó để định vị lại những giá trị của đời sống xã hội.

Từ khóa: Lễ hội văn hóa Việt Nam; Văn hóa lễ hội; Biểu tượng lễ hội; Tiểu thuyết lịch sử - văn hóa.

Abstract: Culture changes along with the dynamic movement of history and society. In this process, certain elements of local culture thrive, some disappear, and some integrate with new cultures. Nevertheless, national culture needs preserving and developing. Writing about national culture, novelists express their concern about the replacement of some traditional cultural values and the longing to relocate cultural values in the modern society.

Keywords: Vietnamese cultural festival; festival culture; festival symbol; historical cultural novel.

Ngày nhận bài: 03/01/2019; Ngày sửa bài: 25/02/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/3/2019.

1. Dẫn nhập

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Viết về văn hóa đòi hỏi người cầm bút phải có những hiểu biết sâu sắc về văn hóa dân tộc, phải tỉ mỉ trong việc truy tầm, nghiên cứu sử liệu. Qua lăng kính và cảm xúc thẩm mỹ của nhà văn, văn hóa không chỉ phản ánh tâm hồn dân tộc mà hướng đến làm giàu thêm bản sắc.

Là một dân tộc gắn bó với nền văn minh nông nghiệp lúa nước, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên nên việc nông trang, lễ hội đều diễn ra theo mùa. Thường là vào những lúc nông nhàn, người Việt lại tổ chức Lễ hội để sinh hoạt vui chơi bù lại những tháng ngày nhọc nhằn, vất vả. Lễ tết và lễ hội của người Việt được tổ chức khá nhiều, khá phong phú theo thời gian

và không gian vùng miền. Nếu lễ tết được phân bố theo diễn tiến thời gian gồm có: tết Nguyên Đán, tết Nguyên Tiêu, tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ, tết Ông Táo, lễ tế Xuân, tế Thu... thì lễ hội được phân bố theo không gian làng xã, vùng miền trải dài trên dải đất Việt. Trong khi lễ tết thiên về ăn chơi, sinh hoạt vật chất, “khép kín”, thể hiện tôn ti trật tự gia đình thì lễ hội thiên về sinh hoạt tinh thần, với tính chất mở, rộng khắp, mọi đối tượng tham gia dân chủ, công bằng với nhau qua các trò chơi hội. Theo nhà nghiên cứu văn hóa Trần Ngọc Thêm, lễ hội có hai phần: lễ và hội. Phần lễ “mang ý nghĩa cầu xin và tạ ơn: tạ ơn và cầu xin thần linh bảo trợ cho cuộc

^(*) NCS. Khoa Văn học, Học viện Khoa học xã hội; Email: thanhliemta@gmail.com

sống của mình⁽¹⁾. Phần hội gồm các trò chơi giải trí phong phú, xuất phát từ ước vọng thiêng liêng của con người. Nhìn chung, “lễ tết và lễ hội đều là sự tổng hợp uyển chuyển của cái linh thiêng (lễ) và cái trần thế (tết, hội)... Sự phân bố lễ tết và lễ hội theo hai trục dọc - ngang kết hợp với nhau làm nên nhịp sống âm dương hài hòa suốt bao đời của người dân đất Việt⁽²⁾.”

Những biểu hiện của nền văn hóa dân tộc được các nhà tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đề cập trong tác phẩm rất đa dạng, phong phú. Bên cạnh những tín ngưỡng tâm linh còn có những lễ hội, sinh hoạt dân gian như: lễ tịch điền, lễ cầu mưa, lễ khai mở cửa rừng, lễ hội mừng được mùa, lễ hội hoa đăng, lễ hội đua thuyền, lễ mừng vua mới lên ngôi, hội quân, hội thể, lễ rước Phật... Những biểu hiện của lễ hội sẽ góp phần khái quát đời sống xã hội Việt Nam trong quá khứ và hướng đến những thức nhận đời sống đương đại.

2. Lễ hội - biểu tượng cuộc sống âm no, sinh sôi nảy nở

Cấu trúc của một số lễ hội Việt Nam từ nội dung và hình thức thường xuất phát từ nhu cầu và khát vọng của nhân dân trong mối quan hệ với thế giới tự nhiên. Là một dân tộc có nền văn minh nông nghiệp lúa nước phát triển, đa số nhân dân làm nông, bám đất bám làng nên từ trong tâm thức, quân thân đều rất coi trọng nông nghiệp. Những *lễ tịch điền, lễ cầu mưa, lễ mừng được mùa mới*... phản ánh rõ bản sắc văn minh nông nghiệp. Ý nghĩa sâu xa của những lễ hội này không hoàn toàn đơn thuần là tín ngưỡng của nhân dân về thế giới siêu nhiên, hư ảo bên ngoài trình độ nhận thức còn thấp của con người mà quan trọng hơn cả là chính sách

của bộ máy nhà nước đối với nông nghiệp và nông dân. Đó không chỉ là khát vọng của nhân dân về mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, đời sống ấm no, giàu đủ do thiên nhiên ban tặng mà còn biểu hiện niềm tin vào trách nhiệm, tài đức của nhân dân đối với đáng minh quân. Tái hiện lại các lễ hội này trong tác phẩm, các nhà văn không đơn giản là nflu kéo một lễ hội văn hóa bị lãng quên mà quan trọng hơn nữa là niềm băn khoăn, khắc khoải về thực tại coi thường nông nghiệp khi thực thi chính sách đô thị hóa nông thôn đang diễn ra khắp nơi.

“Mỗi lớp phù sa văn hóa - tín ngưỡng trong lễ hội cổ truyền là một thông điệp của các thế hệ tiến nhân để lại cho thế hệ hôm nay. Nhưng, thông điệp ấy tồn tại trong tất cả các thành tố: từ thần tích, sắc phong đến trò diễn, văn tế, từ nghi thức thờ cúng đến diện mạo của các thiết chế thờ cúng⁽³⁾. Nhà văn Hoàng Quốc Hải đã phục dựng lễ hội tịch điền trong tác phẩm của mình cũng không nằm ngoài ý thức biểu đạt về giá trị văn hóa truyền thống mà con người thời đại ngày nay cần soi lại để thức nhận về nó. Bắt đầu từ nhà Lý, hàng năm, Lễ hội Tịch Điền được tổ chức rất trang trọng, nghi thức lễ theo thông lệ được chuẩn bị chu đáo: Lập đàn tế trời cầu mưa và các linh thần, đặc biệt là Thần nông. *Đàn cao bảy thước, rộng ba mươi thước, bốn bề đắp tường đất để làm chỗ tế*⁽⁴⁾. Vật lễ tế là tam sinh nhưng sau này có lược bớt chỉ còn nhất sinh là lợn. Để buổi lễ được

⁽¹⁾ Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr. 303.

⁽²⁾ Sách đã dẫn, tr.306.

⁽³⁾ Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.14.

⁽⁴⁾ Hoàng Quốc Hải (2010), *Con ngựa nhà Phật*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.147.

diễn ra trang nghiêm và linh nghiệm, đất trời và lòng người hòa hợp với nhau chung một ước nguyện, chủ tế là *Nhà vua phải ăn chay và tiết dục trước lễ ba ngày*⁽⁵⁾. Sáng sớm hành lễ, *quan dân sứ đã bày đồ tế khí và lễ vật... Dân chúng trong các làng xã gồm các chức dịch và nam phụ lão ấu áo quần, khăn mũ chỉnh tề đứng chật ních hai bên đường có kẻ vua đi qua*⁽⁶⁾. Sau khi dâng hương, quỳ lễ Thần nông, thì đọc chiếu thư *Cầu thần năm nay lại cho hòa cốc phong đăng, mùa màng bội thu, dân lành được no ấm*⁽⁷⁾. Tiếp theo nghi thức lễ tế, nhà vua là người mở những đường cày đầu tiên để bắt đầu cho một mùa vụ của năm. Kết thúc buổi lễ tế, vua cùng các quan phủ phục ra về, dân làng ở lại bày biện xôi thịt làm cỗ quay quần ăn uống vui vẻ. Mọi người ngắm nhìn bầu trời tìm lấy dấu hiệu an yên, đặt niềm tin tốt đẹp vào ngày mới. Đây chính là niềm tin vào vị vua anh minh, thay trời chăn dân, là khát vọng của nhân dân về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đất nước được thái bình, thịnh vượng.

Ngày nay, cùng với sự phát triển đi lên của đất nước, quá trình nông thôn hóa đô thị diễn ra rầm rộ khắp nơi, diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, tính chất của một nền nông nghiệp hiện đại dần thay thế nền nông nghiệp thủ công thuần túy đã xóa đi những lễ hội với nghĩa tốt đẹp như *lễ tịch điền, lễ mừng được mùa, lễ cầu mưa...* Sự mất mát ấy chưa thể khẳng định rằng tính chất của lễ hội bị lạc hậu nhưng điều quan trọng cho chúng ta thấy được sự dịch chuyển, mai một các giá trị truyền thống của một nền văn minh nông nghiệp. “Có thể nói: trong xã hội nông nghiệp, mỗi lễ - tết - hội là một dịp để người ta vượt lên tạo nên một đời sống không tự nhiên, một đời sống do con người

làm nên, một đời sống có văn hóa cao. Như thế, lễ - tết - hội là hình ảnh văn hóa kết tinh của cư dân nông nghiệp; hay nói lễ - tết - hội có thể được xem như động lực của văn hóa nông nghiệp. Điều này cũng cho thấy chừng nào một xã hội còn là nông nghiệp thủ công thì lễ - tết - hội ở đó còn được thực hành với tư cách là sự thỏa mãn một nhu cầu văn hóa toàn diện”⁽⁸⁾. Soi xét lại thực tế xã hội Việt Nam hiện nay, chúng ta cần “đãi cát tìm vàng” khi luận về lễ hội văn hóa truyền thống dân tộc, nhưng không lợi dụng điều đó mà phủ nhận vai trò của nông nghiệp, nông dân và khát vọng của họ, gạt bỏ những lễ hội đã ăn sâu vào tiềm thức dân tộc, như lễ tịch điền và các trò chơi, diễn tích, sinh hoạt sau đó.

Từ không gian văn hóa lịch sử - xã hội đến không gian văn học thời kì mới, các lễ hội dân gian Đại Việt có thể được lưu giữ nguyên vẹn nhưng cũng có khi dịch chuyển về hình thức, biến thể về ý nghĩa do cảm quan nghệ thuật của người cầm bút chi phối. Trong các tiểu thuyết: *Thiên sư dựng nước, Giàn thiêu, Mẫu thượng ngàn, Đức Thánh Trần...*, các nhà văn tái hiện các lễ hội nhằm lưu giữ nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc, qua đó gửi đến thông điệp cho thời đại với nhiều biến động văn hóa như hiện nay. Chẳng hạn, tín ngưỡng phồn thực tồn tại suốt chiều dài lịch sử và được hiện hữu hóa bởi nhiều hình thức khác nhau như tục thờ cúng linga và yoni, hoặc thông qua các vật dụng dùng trong sinh hoạt hàng ngày của nền

⁽⁵⁾ *Sđđ*, tr.148

⁽⁶⁾ *Sđđ*, tr.148.

⁽⁷⁾ *Sđđ*, tr.149.

⁽⁸⁾ Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.138.

văn minh lúa nước như: Nô và Nường, Chày và Cối, những trò diễn ông Đùng bà Đà, hội trái ỏ, lễ hội khai mở cửa rừng, hội chen, hội mo nang

Nếu trí tuệ của các nhà khoa học tìm ra các quy luật vận hành của đời sống tự nhiên và xã hội, tạo nên nền văn minh công nghiệp hiện đại thì trí tuệ của người bình dân lại tìm thấy vẻ đẹp bản thể tự nhiên đầy tính nhân văn trong mỗi con người và xã hội để rồi thánh hóa vẻ đẹp ấy bằng tín ngưỡng dân gian phổ thông. Trước đời sống xã hội ngày càng *dấn sâu* vào lý thuyết khoa học, “công nghiệp hóa con người” không chỉ ở sức lao động mà ngay cả chức năng sinh sản tự nhiên, vấn đề truy tầm bản thể con người và xã hội trở nên nhức nhối hơn cả. Viết về tín ngưỡng phổ thông không phải các nhà văn muốn đào sâu bản năng nhục dục tính mà ý nghĩa sâu sắc là muốn bảo tồn sự phát triển con người tự nhiên nhân bản, lương thiện vốn dĩ. Mỗi một cá thể ra đời là kết quả của tính giao tự nhiên, của tình yêu, tự do và khát vọng chứ không phải là sự cưỡng đoạt, chọn lựa của kẻ được quyền sinh ra, hay là sự lựa chọn lịch sử để tồn tại. Giá trị của hội Chen, hội Trái ỏ, lễ rước ông Đùng bà Đà, hội Mo nang và nhiều lễ hội tín ngưỡng phổ thông khác trong các tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại là một phần hết sức đặc biệt như cưỡng hóa chống lại luật định xã hội khắc nghiệt. Lệ tục trai gái tự do giao hoan trong hội Chen không phải là hiện tượng dâm tục mà có ý nghĩa hệ trọng trong tâm thức cộng đồng, những đứa trẻ ra đời từ hội Chen được dân làng trân quý, xem đó là điềm lành, đem lại sự may mắn, phần vinh cho cộng đồng dân

cư. Đó là khát vọng về sự sinh sôi, nảy nở, no cơm ấm áo của những con người bình dị thuần phác.

Là sản phẩm văn hóa cộng đồng, lễ hội được lưu truyền, bảo tồn từ đời này sang đời khác. Với hệ thống nghi thức, trò diễn và các biểu hiện, lễ hội sẽ làm thành biểu tượng liên kết xã hội. Đằng sau cái linh thiêng, huyền bí bao phủ lên mọi lễ hội, phản ánh đời sống tâm linh của cộng đồng hướng đến thế giới siêu thực, thần thánh hiển linh là cái ngoài lễ hội: những sinh hoạt, trò diễn làm cứu cánh trần tục của nó, gắn kết cộng đồng với nhau. Tác phẩm *Mẫu thượng ngàn* đã đem đến cho chúng ta những tri nhận sâu sắc, sự tinh tế qua tín ngưỡng thờ Mẫu và trò diễn rước ông Đùng bà Đà ở làng Cổ Đình.

Hội Kê Đình bắt đầu từ ngày mười một tháng ba. Người ta đến để lễ Mẫu và xem hội ông Đùng. Không khí của lễ hội thật tung bừng, náo nhiệt. Dòng người đổ về Cổ Đình càng lúc càng đông. Dù các loại người. Đến với lễ hội, mỗi người có mục đích riêng. Giá trị của biểu tượng lễ hội rất phong phú, tùy thuộc vào ước vọng cộng đồng và mục đích đi hội của mỗi người tham gia. *Có người thuần túy đi xem hội, đến hội để tìm vui. Cũng có kẻ đến hội để bắt mối giao duyên. Không thiếu người trẩy hội cốt tìm về với Mẫu, xin Mẫu chữa bệnh; có người chỉ đơn giản xin một lá bùa, nhưng cũng có người xin cả một niềm vui lớn, cầu Mẫu ban cho một đứa con*⁽⁹⁾. “Trong quan hệ xã hội, mỗi lễ hội là dịp để người ta thực hiện tình thân thiện đặc biệt giữa con

⁽⁹⁾ Nguyễn Xuân Khánh (2012). *Mẫu thượng ngàn*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr 691.

người với nhau. Người ta tránh những khách sáo, những thô lỗ cộc cằn, những hẹp hòi, những ý nghĩ u ám về nhau"⁽¹⁰⁾. Đến với lễ hội, chỉ thấy những gương mặt nghiêm trang tươi tỉnh, chỉ thấy người chấp tay vái chào thân thiện. Thấy vắng hẳn những nét nhăn nhó hoặc tức giận thường ngày. Chẳng ai cãi lộn. Chẳng ai nói lời thù hận⁽¹¹⁾. Phải chăng lễ hội luôn tạo ra trạng thái tâm lí đặc biệt, khác thường trong cộng đồng và mỗi cá nhân? Trong tính chỉnh thể của chúng, lễ hội là một biểu thị văn hóa bao trùm hơn, toàn vẹn hơn của đời sống xã hội. Nếu phần lễ là phần nghi thức thực hiện bốn phận đối với cái linh thiêng thì phần hội xác định các mối quan hệ cộng đồng và cá thể con người với nhau. Thiếu phần hội là "thiếu bước hoàn tất sự khách thể hóa, trần tục hóa cái ý tưởng", khát vọng của cộng đồng. Vậy nên, sau khi viếng Mẫu linh thiêng, người dân dự đến ngày cuối để xem hội Kê Đình. Đám trai thanh, gái lịch háo hức và phấp phồng. Đám rước đối với các bà sồn sồn nọ dòng thì Trẻ có cái vui của trẻ. Già có cái vui của già. Các cụ già sáu, bảy mươi thì các cụ nghe hỏi đều sáng mắt lên... ý chừng nhớ lại những kỉ niệm xưa. Tính chất phồn thực, sinh sôi, nảy nở của hội rước thể hiện rõ trong tiếng reo hò của đoàn người đi rước: Ông Đùng mà lấy bà Đà / Để con, cái vú bằng ba quả dừa⁽¹²⁾.

Nếu trò rước ông Đùng bà Đà đánh thức ý nghĩ của con người về tình yêu tự do thì hội Trãi ở tiếp theo sau đó, tạo cho người tham gia hội có một không gian thực hiện khát vọng rất nhân bản kia. Trãi ở là gì? Đó là tục lệ cho phép trai gái yêu nhau, dù chưa cưới xin, được phép tạo một chiếc giường tình, được phép tạo một chiếc ổ thơm tho, êm ái cho

cuộc yêu đương của mình, trong một hang đá hoặc dưới một vòm cây nào đó ở trong rừng, cạnh núi Đùng... Điều ấy được dân làng cho phép trong tháng ba, tháng tư. Cô gái nào có mang lúc trải ở trong thời kì ấy, được coi là rất may mắn⁽¹³⁾. Hội "trãi ở" vì thế trở thành biểu tượng cho khát vọng tình yêu tự do đậm tính nhân văn. Một mặt vì nó được "dân làng cho phép", mặt khác dân làng đã thổi vào đó sự huyền bí với niềm tin những đứa con được sinh ra từ hội này sẽ rất thông minh sáng láng, lại nhiều phúc lộc càng khiến cho hội "trãi ở" thêm ý nghĩa thiêng liêng hơn.

Viết về các biểu tượng lễ hội đậm tính phồn thực, nhà văn không ngắm ngấm cổ vũ cho lối sống buông thả mà sâu xa hơn là muốn "bằng dích cái vô trật tự, cái thái quá ấy, lễ hội nhắc nhở người ta sự trật tự, sự mực thước hằng ngày... lễ hội là điều kiện cho sự tái sáng tạo của mỗi người trong lĩnh vực hoạt động của mình"⁽¹⁴⁾. Trong một xã hội quá chặt chẽ vì các lễ nghi ràng buộc, chằng chịt các quan niệm hà khắc bóp chết phần tự do, dân chủ của con người thì tránh sao không có những phần hội thực hiện chức năng "giải phóng những xung cảm bị kìm hãm trong đời sống đơn điệu hằng ngày"⁽¹⁵⁾. Từ nhãn quan này, chúng ta sẽ thấy được giá trị nhân văn của biểu tượng lễ hội. Tuy nhiên, vẻ đẹp nhân văn của lễ

⁽¹⁰⁾ Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.138.

⁽¹¹⁾ *Sđđ*, tr.692.

⁽¹²⁾ Nguyễn Xuân Khánh (2012), *Mẫu thượng ngàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr.724-729.

⁽¹³⁾ *Sđđ*, tr.725.

⁽¹⁴⁾ Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.136.

⁽¹⁵⁾ Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.136.

hội sẽ mất đi khi quyền lực, sự mưu toan, thủ đoạn dè hèn xen vào. Lễ hội thành nơi để cho những manh tâm xấu xa lợi dụng, biến thành các cuộc chơi cá nhân, là nơi để kinh doanh nỗi sợ hãi, thánh linh thành hàng hóa bán buôn đem lại bổng lộc từ người tham gia hội. Đau đầu niếm đau trên các trang văn của Võ Thị Hào là thể thái nhân tình bị vạch trần phần xấu xa, những giá trị cốt lõi của lễ hội bị đảo lộn. Đường như lễ hội nào dưới ngòi bút của Võ Thị Hào cũng nhuộm màu bi kịch, sự bất an của con người khi tham gia. Lễ hội hoa đăng trong đêm nguyên tiêu bị xé toang bởi quyền lực nhà Diên Thành hầu, bởi nhục dục thân xác không thể kìm chế của Lý Câu. Lễ mở cửa rừng và hội chen sau đó đã không trọn vẹn ý nghĩa, khiến cho dân làng phải lao lung khi Đại Diên cướp cô con gái của tù trưởng lối xênh xệch về phía cửa rừng. Năm ấy, những đứa trẻ ra đời sau đêm ân ái hội Chen không có vẻ gì là con của Sơn Thần. Những đứa trẻ từ lúc lọt lòng mẹ đã có vằn trán đỏ, đôi mày dài và cặp mắt đỏ nhìn lâu không chớp⁽¹⁶⁾. đời sống nhân dân Quý Vũ gặp nhiều đói kém.

Luận bàn về lễ hội qua những trang tiểu thuyết, một mặt các nhà văn thức nhận lại giá trị văn hóa dân tộc, mặt khác muốn giải thiêng các lễ hội. Đó là thông điệp dón lên hồi chuông cảnh tỉnh về mục đích, cách thức tổ chức các lễ hội và thái độ của con người đương đại đến với truyền thống.

3. Lễ hội - biểu tượng định vị giá trị đời sống nhân sinh

Bên cạnh lễ hội đậm sắc thái dân gian cộng đồng còn có những lễ hội liên quan trực tiếp đến các sự kiện, nhân vật cụ

thể. Đó là lễ hội mừng vua mới lên ngôi, hay mừng vua vi hành trở về an toàn... Những lễ hội này phản ánh thái độ của bề tôi, dân chúng đối với đấng quân vương, có ý nghĩa xác định giá trị của đấng minh quân trong cộng đồng dân cư. Trong tiểu thuyết *Thiên sư dựng nước*, nhà văn Hoàng Quốc Hải đã tái hiện lại lễ hội mừng vua Lý Công Uẩn mới lên ngôi với thái độ *Dân chúng hoan hỉ đón chào vị vua mới của làng mình. Từ các cụ già đầu tóc bạc phơ, vận quần áo đỏ, chống gậy trúc đến các trẻ nhỏ mới lẫm chẫm bước đi, đều ra khỏi làng tới hơn một nghìn dặm để cung nghinh*⁽¹⁷⁾. Đó là biểu hiện niềm tôn kính mà nhân dân dành cho một vị vua anh minh, những tín hiệu khởi đầu cho một triều đại mới lẫy lừng trong lịch sử dân tộc. Đặc biệt, khi Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La, dân chúng nghênh đón nhà vua và triều đình bằng những trò chơi đậm sắc thái dân gian. Năm ấy, kinh thành mở hội thả chim, *Dân chúng kính kì năm ấy khâm phục nhất đàn chim đông đảo của một chủ chim phường Thái Hòa khi vừa vút thẳng lên trời cao, cả đàn đều xếp thành hai chữ "Thuận Thiên" cứ bay liệng mãi trên bầu trời Đại La*⁽¹⁸⁾. Có thể thấy rằng, thông qua lễ hội, nhân dân gửi gắm vào đó tất cả khát vọng về triều đại, nhà nước yên vui, cường thịnh, hòa bình thuận lòng trời hợp ý dân.

Như chúng tôi đã đề cập ở trên, Lễ là nghi thức hiến dâng, cầu xin thể hiện sự

⁽¹⁶⁾ Võ Thị Hào (2003), *Giàn thiệu*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.171.

⁽¹⁷⁾ Hoàng Quốc Hải (2010), *Thiên sư dựng nước*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.67.

⁽¹⁸⁾ *Sđđ*, tr.142.

tôn kính của con người đến nhân vật trung tâm được linh hóa, thường là các vị thần hoặc là con người được nhân dân thánh hóa, huyền thoại hóa... thì Hội chủ yếu thực thi các trò chơi, diễn xướng. Chính phần hội là chất keo kết dính cộng đồng. Dưới chế độ quân chủ phong kiến, trong phạm vi hẹp - làng xã, mỗi một lễ hội diễn ra bao giờ cũng thu hút đông đảo nhân dân tham gia, vậy nên, tính cố kết cộng đồng của lễ hội rất to lớn. Khung cảnh lễ hội với những trò chơi kỳ thú, hấp dẫn được dựng lên, mừng vua Trần Thái Tông lên ngôi, mở đầu cho triều đại nhà Trần hùng mạnh. Chỉ sau một thời gian ngắn, đời sống nhân dân khởi sắc, đất nước bắt đầu thái bình, thịnh vượng. Hay, nhân dịp Thượng hoàng Trần Nhân Tông tuần du phương Nam trở về bình an, nhà vua mở lễ hội vua mừng với nhiều trò chơi, tích tuồng tạo tác đời sống nhân dân, thể hiện vượng khí đang lớn mạnh của triều đại nhà Trần. *Hết trò nhà mùa, lại đến trò pháo bông... Các trò chơi đang ngoạn mục thì tích trò tăng hai chợt xuất hiện*⁽¹⁹⁾. Mỗi tích trò tái hiện lại khung cảnh sinh hoạt rất đời quen thuộc trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Những ngư ông quăng chài, những tiểu phu gánh củi, bác nông dân cày ruộng, cảnh chăn tằm, se tơ, dệt lụa, cảnh nho sinh nằm đọc sách, cảnh vua cày ruộng tịch điền, cảnh quan quân đánh giặc, rồi các trò chơi đấu vật, diễn võ, chọi gà, đua thuyền, thổi cơm, ném cầu cứ thế diễn ra khắp kinh thành, lộ phủ. Có thể khẳng định rằng, "các thành tố trong lễ hội truyền thống của người Việt có một vị thế đặc biệt, bởi các thành tố này là sự vật chất hóa niềm tin tín ngưỡng, là không gian vật chất của lễ hội cổ truyền"⁽²⁰⁾. Lễ hội với các thành tố của nó

là thước đo lòng dân đối với bậc đế vương đang trị vì thiên hạ, xác tín sự phồn thịnh của triều đại, sự đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình dựng nước và dựng xây đất nước.

Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại có những bộ trường thiên tiểu thuyết khái quát đầy đủ, trọn vẹn về các triều đại phong kiến Đại Việt như: *Tám triều vua Lý*, *Bão Táp triều Trần* của Hoàng Quốc Hải, *Nam quốc sơn hà* của Yên Tử cư sĩ, *Hào kiệt Lam Sơn* của Vũ Ngọc Đinh, *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác... Nhưng cũng có những bộ tiểu thuyết chỉ chọn lựa khoảnh khắc lịch sử nhất định để làm nổi bật vai trò, sức mạnh của thời đại lịch sử hay các yếu nhân lịch sử cụ thể nào đó như *Hội thể* của Nguyễn Quang Thân chọn bối cảnh lịch sử Hội thể Đống Đa, *Hố Quy Ly* của Nguyễn Xuân Khánh chọn Hội thể Đồng Cổ để mở đầu, Hội thể Đồn Sơn để kết thúc tác phẩm. Trong nhiều sự kiện lịch sử khác nhau, những *hội quân*, *hội thể* giữ vai trò trung tâm, thể hiện tinh thần thời đại. Qua quá trình tiếp cận các tác phẩm, chúng tôi nhận ra rằng lý giải sự thành công hay thất bại của một vĩ nhân, đáng minh quân trị vì thiên hạ không chỉ thông qua các chính sách, chiến lược xây dựng đất nước mà quan trọng là đức tin của nhân đối với họ. Với những lễ hội như hội quân, hội thể mà tính chất và biểu hiện của nó cùng với sự tham gia của đông đảo nhân dân sẽ phản ánh rõ niềm tin

⁽¹⁹⁾ Hoàng Quốc Hải (2006), *Huyền Trần công chúa*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.116-117.

⁽²⁰⁾ Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.205.

của nhân dân vào những yếu nhân lịch sử và thời đại do họ trị vì.

Hào khí của nhà Trần dưới ngòi bút của nhà văn Hoàng Quốc Hải không chỉ biểu hiện ngoài trận tuyến giáp mặt với quân thù mà còn được nhà văn tái hiện rõ qua khung cảnh hội thể: Hội nghị Bình Than, Hội nghị Diên Hồng. Sau khi các vua tôi nhà Trần đã chuẩn bị các kế sách từ việc binh, việc lương, đến việc bố phòng binh lực đã có phương lược rõ ràng thì cùng với đó, để động viên tinh thần, tập hợp toàn dân xây dựng thế trận chống giặc, nhà Trần truyền hịch khích lệ dám sĩ tốt và trai trẻ. Triều đình lấy danh nghĩa văn kể sách của các bô lão, triệu tập các bô lão tại Hội nghị Diên Hồng. Kỳ thực, Hội nghị này là thiết chậ mỗi rường từ thứ dân đến bậc quân trưởng đều đồng lòng giết giặc, cứu nước. Nhìn vào đoàn người bô lão kéo về Thăng Long dự hội nghị càng ngày càng đông. Nhìn vào thái độ quyết liệt đánh giặc, bảo vệ non sông với tiếng hô: *Đánh! Muôn người như một vút lên tiếng hét - Xin bệ hạ cho đánh!*⁽²¹⁾ chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa của Hội nghị này như là thước đo lòng dân, ý chí vua tôi đồng lòng làm nên Hào khí Đông A.

Chọn Hội thể Đông Quan - sự kiện lịch sử diễn ra ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (tức ngày 10 tháng 12 năm 1427) giữa thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn - Lê Lợi và chủ tướng quân Minh là Vương Thông, nhà văn Nguyễn Quang Thân viết tiểu thuyết *Hội thể*. Vấn đề nhà văn đặt ra không phải là cuộc chiến giữa nghĩa quân Lam Sơn với nhà Minh mà là sự mâu thuẫn trong nội cát Lê Lợi. Đó là mâu thuẫn không đội trời chung giữa đám võ biển tâm phúc theo Lê Lợi từ những ngày đầu khởi

nghĩa như: Phạm Vấn, Lê Sát, Lê Ngân... và trí thức nho sĩ Đông Quan như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn. Lập doanh trại Bồ Đề, Lê Lợi mở hội nghị bàn cách đánh thành Đông Quan. Mấu chốt vấn đề tác giả nêu ra là vai trò thủ lĩnh của Lê Lợi và tài năng của Nguyễn Trãi cần được ngợi ca và thông diễn cho những đổ vỡ của nhà Lê sau này. Vậy nên, dưới ngòi bút của Nguyễn Quang Thân, Hội thể Đông Quan có giá trị định vị tầm quan trọng của các yếu nhân lịch sử như Lê Lợi, Nguyễn Trãi trong lòng nhân dân. Sự thông tuệ của Lê Lợi, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi được nhà văn khắc họa rõ nét. Có thể còn nhiều bàn luận về sự kiện lịch sử này, song chúng ta nhận thấy vai trò rất quan trọng của Hội thể Đông Quan khi soi sáng giá trị biểu tượng đáng minh quân trong việc trọng dụng kẻ sĩ, còn nhân sĩ trí thức với tài năng và lòng nhân nghĩa đã góp phần to lớn trong công cuộc kiến dựng đất nước trong thời chiến cũng như thời bình.

Thần Đồng Cổ là vị thần hộ quốc. Trong tâm thức của dân tộc Việt, thần Đồng Cổ có vai trò to lớn trong công cuộc bảo vệ và kiến dựng đất nước Đại Việt. Tuy nhiên, dưới cái nhìn của nghệ thuật tiểu thuyết đương đại, hội thể Đồng Cổ khơi mở ra sự yếu hèn của thời Trần mạt, sự sụp đổ tất yếu của một triều đại đồng thời đánh dấu cho sự manh mún tiếm ngôi nhà Trần của Hồ Quý Ly. Mở đầu tiểu thuyết *Hồ Quý Ly*, ông vua già Trần Nghệ Tông bày vẽ lễ hội thật linh đình *Để thăm dò lòng dân còn hướng về nhà Trần tới mức nào? Để thăm dò trăm quan xem còn trung thành với triều đại nhà Trần đến mức nào?* Dẫu

⁽²¹⁾ Hoàng Quốc Hải (2010), *Con ngựa nhà Phật*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr.359.

ông vua già Nghệ Tông nói rất to và đồng dục: *Kẻ làm tôi bất trung thì thân mình tru diệt* nhưng mọi biểu hiện bày ra trước mắt *sự tiếc nuối, sự giã giụa tuyệt vọng*⁽²²⁾ không phải của một con người mà của một triều đại đến thời mạt vận bởi những con người bất chấp hỗn nước, hỗn dân tộc.

Chọn bối cảnh hội thể làm điểm tựa, Hội thể Đồng Cổ và hội thể Đốn Sơn đã được nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đưa vào tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* với cái nhìn mới. Từ chỗ biểu thị niềm tin của nhân dân, sự trung trinh của quan quân, sự thái bình thịnh vượng của đất nước, các hội thể xuất hiện trong tiểu thuyết biểu thị cho những cơ hội, mưu toan, bất ổn về mặt chính sự và đức tin. Con người lợi dụng lễ hội để trục lợi theo nghĩa nào đó và hậu quả là sự thất bại.

4. Kết luận

Cấu trúc của "bất kỳ nền văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc, đều có hai dòng chảy: một là dòng chảy văn hóa của các thế hệ tiền nhân đến với thế hệ đương đại; hai là những sáng tạo văn hóa của thế hệ đương đại. Trong dòng chảy của văn hóa các thế hệ tiền nhân đến với thế hệ hôm nay, lễ hội là một thành tố văn hóa đặc biệt"⁽²³⁾. Lễ hội lắng đọng tâm thức của cộng đồng dân cư bản địa với những quan niệm về triết lí, nhân sinh, về thế giới quan của con người. Việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của lễ hội truyền thống có ý nghĩa quan trọng chống lại sự xâm thực văn hóa bởi các nền văn hóa khác. Tuy nhiên, trước thời đại mở cửa ngày nay, trong quá trình giao thoa văn hóa, một số lễ hội chỉ còn là dĩ vãng, một số lễ hội được thế giới tôn vinh là di sản văn hóa của thế giới. Dưới ánh nhìn của thời đại mới, lễ hội trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại vừa phẳng phất về đẹp văn hóa truyền

thống dân tộc Việt, vừa biểu thị niềm khắc khoải của nhà văn về bản chất của lễ hội, nhất là nhân tâm của con người khi đến với lễ hội. Đó không chỉ là niềm khắc khoải về vẻ đẹp truyền thống đã qua mà còn là thông điệp cho xã hội đương đại và tương lai khi tổ chức và tham gia lễ hội trên tinh thần xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb. Khoa học xã hội.
2. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Hoàng Quốc Hải (2005), *Thăng Long nổi giận*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
4. Hoàng Quốc Hải (2006), *Huyền Trân công chúa*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
5. Hoàng Quốc Hải (2010), *Con ngựa nhà phật*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
6. Hoàng Quốc Hải (2010), *Thiên sư dựng nước*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
7. Võ Thị Hảo (2003), *Giàn thiêu*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Khánh (2012), *Hồ Quý Ly*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
9. Nguyễn Xuân Khánh (2012), *Mẫu thượng ngàn*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
10. Nguyễn Quang Thân (2009), *Hội thể*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
11. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.

⁽²²⁾ Nguyễn Xuân Khánh (2012), *Hồ Quý Ly*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, tr. 19-21.

⁽²³⁾ Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 11.